

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 4- 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Kiên, ông Lưu Đình Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: ông Đoàn Văn Tuyền – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số:10/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn S, xã S1, huyện T, Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn S, xã S1, huyện T, Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị C và anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị C trình bày: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/9/2010 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã S, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống do đó vợ, chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh H đã sống ly thân từ

cuối năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Xuân C, sinh ngày 09/6/2003 và cháu Bùi Ngô T, sinh ngày 10/7/2012. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn H để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Bùi Thị C được ly hôn anh Bùi Văn H. Giao cháu Bùi Xuân C, sinh ngày 09/6/2003 và cháu Bùi Ngô T, sinh ngày 10/7/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn H. Anh H cư trú tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh H và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh H cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị C và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2010 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cãi nhau. Chị C và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Điều đó chứng tỏ chị C và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị C được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị C và anh H có 02 con chung là cháu là cháu Bùi Xuân C (Giới tính: Nam), sinh ngày 09/6/2003 và cháu Bùi Ngô T (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/7/2012. Từ năm 2018 chị C và anh H sống ly thân, các con ở với chị C, được chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của chị C muốn được trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là nguyện vọng chính đáng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị C giao cháu Chinh và Cháu Tr cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung do đó chấp nhận sự tự nguyện của chị C là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị C được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Xuân C, (Giới tính: Nam) sinh ngày 09/6/2003 và cháu Bùi Ngô T, (Giới tính: Nam) sinh ngày 10/7/2012 cho chị Bùi Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0002931 ngày 09/11/2020. Chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị C và anh H. Chị C, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tòa phiên tòa

Bùi Văn Tuấn